

Bản án số: 625/2022/HS-PT
Ngày 31 – 8 – 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồ T Tú

Các Thẩm phán:

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Ông Lê Hoàng Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bùi Văn Thành – Kiểm sát viên

Trong các ngày 24 và 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 187/2022/TLPT-HS ngày 23 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo Huỳnh Minh T và các bị cáo khác. Do có kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Minh T, Danh Thị Cẩm H, Liêu Văn P, Danh N T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Danh T, Danh N D, Kiên Thị Mỹ P đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2022/HS-ST ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Các bị cáo có kháng cáo; không bị kháng cáo, kháng nghị:

1. Huỳnh Minh T (tên gọi khác: T Hí), sinh năm 1984 tại thành phố T, tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: Số 1x, khóm 7, phường 6, thành phố T, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Công L, sinh năm 1930 (đã chết) và bà Tăng Kim M, sinh năm 1943; Có vợ Danh Thị Cẩm H, sinh năm 1982 và 02 con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08 tháng 3 năm 2019.

2. Danh Thị Cẩm H, sinh năm 1982 tại thành phố T, tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: Số 5x, khóm 4, phường 1, thành phố T, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Khmer; Tôn giáo: Không; Giới tính:

Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Danh T, sinh năm 1953 và bà S H, sinh năm 1950; Có cH Huỳnh Minh T (bị cáo cùng vụ án), sinh năm 1984 và 02 con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/3/2019.

3. Liêu Văn P, sinh năm 1991 tại huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: Ấp V, xã H, huyện C, Trà Vinh; Nghề nghiệp: Đi biển đánh bắt thủy hải sản; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Liêu Văn Ú, sinh năm 1968 và bà Lý Thị T, sinh năm 1969; Có vợ Kiên Thị Mỹ P, sinh năm 1993 và 01 con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giam ngày 08/3/2019 đến ngày 02/8/2019 được Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh hủy bỏ biện pháp tạm giam, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Trà Vinh ra lệnh “cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 03/8/2019.

4. Danh N T, sinh năm 1983 tại thành phố T, tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: Ấp Sa Bình, xã Long Đức, thành phố T, tỉnh Trà Vinh, Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Khmer; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Danh T, sinh năm 1953 và bà S H, sinh năm 1950; có vợ Kiên Thị N L, sinh năm 1986 và 03 con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giam ngày 08/3/2019 đến ngày 04/6/2019 được Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh hủy bỏ biện pháp tạm giam, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Trà Vinh ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/6/2019.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:

1. Danh T, sinh năm 1953; Nơi cư trú: Số 5x, khóm 4, phường 1, thành phố T, tỉnh Trà Vinh

2. Danh N D, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Khóm 4, phường 1, thành phố T, tỉnh Trà Vinh

3. Kiên Thị Mỹ P, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Khóm 4, phường 1, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- Người bào chữa cho các bị cáo Huỳnh Minh T, Danh Thị Cẩm H, Liêu Văn P và Danh N T gồm:

1 Ông T Anh T, là Luật sư của Chi nhánh Công ty luật TNHH T Anh T tại Thành phố Hồ Chí Minh; Trụ sở: Phòng 1xx, tòa nhà C; Số 1x đường M,

phường Đ, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

2. Ông Đặng Xuân C, là Luật sư của Chi nhánh Công ty luật TNHH T Anh T tại Thành phố Hồ Chí Minh; Trụ sở: Phòng 1xx, tòa nhà C; Số 1x đường M, phường Đ, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

3. Bà Ngô Huỳnh P T, là Luật sư của Chi nhánh Công ty luật TNHH T Anh T tại Thành phố Hồ Chí Minh; Trụ sở: Phòng 1xx, tòa nhà C - Số 1x, đường M, phường Đ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị hại:

1. Võ Bảo N, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Số 7xx, khóm 4, phường 7, thành phố T.

2. Nguyễn Minh T, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3. Nguyễn Tr G, sinh năm 1985; Nơi cư trú: khóm 8, phường 7, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

4. Huỳnh Trầm Trung S, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Ấp P, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- Người làm chứng:

1. Lữ Thị N Bình, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Số 4xA, T Văn Kinh, khóm 1, phường 1, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

2. Nguyễn Phước G, sinh ngày 19/7/1992; Nơi cư trú: Ấp X, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3. Phạm Lê Duy, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Số 1xxA, khóm 1, phường 5, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

4. Nguyễn Văn L, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Số 7x/5x, V, khóm 4, phường 1, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- Người tham gia tố tụng khác:

1. Ông Nguyễn H Th – Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

2. Ông Trần Kiến V – Giám định viên của Trung T pháp y, Sở y tế tỉnh Trà Vinh.

3. Người phiên dịch: Ông Kim Hoàng Th là Phiên dịch viên, nơi công tác: Công ty TNHH Thương mại và Dịch thuật K.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh tỉnh Trà Vinh; Trụ sở: Số 8x, đường N, khóm 6, phường 7, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Đức Tr - Chuyên viên cao cấp xử lý Khiếu nại – Tổ tụng – Phòng xử lý Khiếu nại tổ tụng là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 19/7/2022).

Ngoài ra trong vụ án này còn có những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người tham gia tố tụng khác nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên không triệu tập đến phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ ngày 20 tháng 12 năm 2018, giữa bị cáo Huỳnh Minh T có mâu thuẫn với Nguyễn Tr G, sinh năm 1985, nơi cư trú khóm 8, phường 7, thành phố T về việc G điện thoại yêu cầu T chia lợi nhuận từ việc kinh doanh game bắn cá, nhưng bị cáo T không đồng ý. G tức giận, điều khiển xe mô tô chở vợ là Trần Thị Kim Lang ra khu công nghiệp Long Đức để tìm bị cáo T. G điều khiển xe đi trên đường Vũ Đình Liệu đến đoạn ngay phía trước trạm xăng đang xây dựng (nay là Trạm xăng dầu Vĩnh Yên) thuộc ấp Vĩnh Yên, xã Long Đức, thành phố T, tỉnh Trà Vinh thì gặp được bị cáo T đang điều khiển xe mô tô đi hướng ngược lại, G điều khiển xe vòng lại đậu cặp bên trái và song song với xe bị cáo T. G hỏi bị cáo T về việc chia lợi nhuận, thì bị cáo T tiếp tục phủ nhận việc có hợp tác kinh doanh với G, nên G nóng giận dùng tay đánh, dùng chân đá bị cáo T và nhặt một đoạn gỗ ven đường rồi đánh bị cáo T, được hai người đi đường thấy can ngăn nên G điều khiển xe bỏ đi. Bị cáo T về nhà của anh Danh N D (anh vợ bị cáo T) tại khóm 4, phường 1, thành phố T thì gặp bị cáo Danh Thị Cẩm H (vợ bị cáo T). Thấy bị cáo T bị thương ở vùng mặt nên bị cáo H hỏi sự việc thì bị cáo T nói bị G đánh. Bị cáo H tức giận nên cùng với bị cáo T; Bùi Anh T, sinh năm 1997, cư trú ấp Vĩnh Yên, xã Long Đức, thành phố T; S N M, sinh năm 1990, cư trú số 435/1, khóm 4, phường 1, thành phố T và Nguyễn Quang Tr, sinh năm 1985, cư trú số 87, đường Dương Quang Đông, khóm 1, phường 5, thành phố T đến quán “Nam Sài Gòn” địa chỉ đường Bạch Đằng, khóm 1, phường 4, thành phố T (quán của Nguyễn Văn Tr, anh ruột G). Khi đến, bị cáo H ném chai nước ngọt bằng thủy tinh vào trong quán, sau đó cãi

nhau với Nguyễn Thị N Tr (vợ của Nguyễn Văn Tr) rồi bị cáo H, Bùi Anh T và S N M bỏ đi.

Riêng bị cáo Huỳnh Minh T thì cùng với Nguyễn Quang Trường đến tiệm sửa xe trên đường Phạm Ngũ Lão lấy xe ô tô hiệu Toyota Camry 2.0E, màu đen, biển kiểm soát số 84A-035.93 (xe do bị cáo H đứng tên sở hữu) đến Công an xã Long Đức, thành phố T, tỉnh Trà Vinh để trình báo sự việc bị G đánh. Cùng lúc, Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1983, cư trú khóm 8, phường 7, thành phố T (anh của G) được vợ điện thoại nói rằng bị cáo H, bị cáo T cùng vài người khác đến quán Nam Sài Gòn để gây sự. Nghe vậy, Tr chạy xe gắn máy đến nhà của T để hỏi chuyện, khi đến gần nhà của ông Danh T, sinh năm 1953, cư trú số 54, khóm 4, phường 1, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (cha ruột bị cáo H) thì bị một người thanh niên da ngâm, khoảng 30 tuổi (không rõ họ tên cụ thể và chỗ ở) ném cây dao loại tự chế làm Tr bị thương tích ở tay phải, nên Tr vào Bệnh viện Đa khoa tỉnh Trà Vinh để điều trị.

Đối với Nguyễn Tr G, sau khi chở vợ về nhà thì nhận được điện thoại của Trâm cho hay việc vợ cH T đến quán Nam Sài Gòn gây sự, G nóng giận điều khiển xe mô tô đi tìm vợ cH T, trên đường đi G mua 05 chai bia hiệu SAIGON còn nguyên nước ở tiệm tạp hóa ven đường (không nhớ ở đâu) rồi đến trước nhà của ông Danh T ném 02 chai bia vào nhà của ông T. Sau đó, G tiếp tục đến nhà của anh Danh N D ném 03 chai bia còn lại rồi bỏ về nhà.

Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, hay tin Nguyễn Văn Tr bị thương nên Nguyễn Tr G và Nguyễn Thanh T, sinh năm 1990, cư trú khóm 8, phường 7, thành phố T (em của Tr) vào Bệnh viện Đa khoa tỉnh Trà Vinh thăm. Đi cùng còn có Võ Bảo N, sinh năm 1993, cư trú số 726, Khóm 4, phường 7, thành phố T; Thạch S, sinh năm 1998, cư trú khóm 3, phường 6, thành phố T và một số thanh niên khác (bạn của G và T). Tại đây, Tr nói với G và T sự việc bị người thanh niên da ngâm, khoảng 30 tuổi ném dao tự chế gây thương tích, nghi là đàn em của bị cáo H và bị cáo T. G tức giận nên nhờ N chở về quán Nam Sài Gòn. Do N đậu xe bên ngoài bệnh viện, nên T đưa cho N mượn xe mô tô hiệu Yamaha loại Jupiter, màu S đen cam, biển kiểm soát số 84C1-151.32 (của T) để chở G, còn T được Thạch S điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu xanh, biển số 84B1-262.66 chở đi theo G và N về quán Nam Sài Gòn. Tại quán Nam Sài Gòn, N đậu xe bên ngoài còn G vào trong quán lấy 01 két bia SAIGON LAGER (20 chai thủy tinh) chưa khai rồi đi ra xe ngồi phía sau để N chở đi đến nhà của anh Danh N D ven đường Võ Văn Kiệt, khóm 4, phường 1, thành phố T để ném bia. Trong quán Nam Sài Gòn lúc này có Huỳnh Trầm Trung S (T), sinh năm 1978, cư trú ấp Phú Hòa, xã Long Đức, thành phố T và người tên C (khoảng 20 tuổi, không rõ chỗ ở). Do sợ G đi sẽ có chuyện đánh nhau, nên T lấy

xe mô tô hiệu Yamaha loại Nouvo, màu S bạc nâu, biển kiểm soát số 84L1-056.69 (do Huỳnh Anh T, sinh năm 1992, cư trú số 85B, khóm 6, phường 7, thành phố T gửi trong quán và nhờ T quản lý) đưa cho C điều khiển chở S (T), còn T thì được Thạch S điều khiển xe mô tô hiệu Honda loại Vision màu xanh, biển kiểm soát số 84B1-262.66 chở chạy theo sau G, N. Khi đi, T và S (T) đều ngồi phía sau và có ôm theo mỗi người 01 kết bia SAIGON LAGER (20 chai thủy tinh) chưa khai.

Cùng thời điểm này, bị cáo T từ Công an xã Long Đức, thành phố T điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Toyota Camry 2.0E, màu đen, biển kiểm soát số 84A-035.93 chở Trưởng đến nhà của anh D rồi đậu xe ô tô trước nhà, đầu xe hướng ra đường Võ Văn Kiệt. Tại nhà của anh D có bị cáo H; bị cáo Liêu Văn P (cháu rể của bị cáo H); bị cáo Danh N T (em của bị cáo H) và Bùi Anh T; S N M, Tr, Kim Văn L, sinh năm 1995, cư trú số 99/4, khóm 4, phường 1, thành phố T cùng với nhiều người khác.

Khi đến trước nhà anh D thì G, S (T) và T ngồi phía sau ném nhiều chai bia (chưa khai) về phía trước nhà của anh D; sau khi cả nhóm điều khiển xe qua khỏi nhà anh D được khoảng 15 - 20 mét thì đậu xe lại ở gần lề lộ bên phải (theo hướng đi, khu vực trước quán Karaoke Sóng Xanh), sau đó cả nhóm tiếp tục ném chai bia về hướng nhà của anh D. Lúc này, nhiều người có mặt tại nhà anh D cũng dùng chai nước ngọt (vẫn chưa khai) và gạch, đá ném trả về hướng nhóm người của G đang đậu xe. Hai bên ném qua lại được khoảng 15 phút thì bị cáo T tức giận lên xe ô tô biển kiểm soát số 84A-035.93 điều khiển lao về phía nhóm người của G đang đứng ném chai bia. Khi nhìn thấy bị cáo T lên xe điều khiển thì N, G, T, S (T), Thạch S và C mới nhanh chóng lên xe mô tô điều khiển bỏ chạy. Bị cáo T điều khiển xe ô tô đuổi theo một đoạn (cách nơi xuất phát 43,6 mét) đụng vào phía sau xe mô tô biển số 84C1-151.32 (do N đang điều khiển chở G); ngay sau đó, bị cáo T tiếp tục điều khiển xe ô tô về trước một đoạn 11,2 mét và va vào xe mô tô biển số 84L1-056.69 (do C đang điều khiển chở T); hậu quả làm cả 02 xe mô tô và 04 người ngồi trên hai xe ngã trên mặt đường. Riêng Thạch S thì chở T bỏ chạy thoát về hướng vòng xoay Sóc Ruộng.

Sau khi ngã trên mặt đường G, N, S (T) và C bỏ chạy bộ. Sau đó, N bị T bắt, giữ lại. Thấy bị cáo T chạy đến nên bị cáo T kêu bị cáo T đưa N lên xe ô tô, bị cáo H cũng lên xe ô tô (bị cáo T ngồi gần cửa sau bên trái, N ngồi giữa, còn H ngồi gần cửa sau bên phải), bị cáo T điều khiển xe chở N về trước nhà của bị cáo P. Khi về đến, bị cáo T dẫn N ra khỏi xe, bị cáo T đẩy N vào trước sân nhà của bị cáo P (sát nhà của anh D). Bị cáo P nóng giận nên lấy đoạn gỗ cứng đánh 02 cái thật mạnh vào người của N, N đưa tay phải lên đỡ thì bị gãy cánh tay phải. Tiếp đó, bị cáo H kêu những người xung quanh trói N lại. Bị cáo P cùng

một người thanh niên (chưa rõ họ tên và chỗ ở) nghe theo lời của bị cáo H, lấy dây trói N vào thân cây trước nhà của bị cáo P.

Nhận được tin báo của anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1975, cư trú khóm 4, phường 1, thành phố T, lực L Công an phường 1, thành phố T gồm 05 đồng chí đến hiện Tr, trong đó có Thiếu tá Nguyễn Minh T. Khi đến, thấy N bị trói vào gốc cây nên Thiếu tá Nguyễn Minh T yêu cầu cởi trói cho N để đưa về trụ sở Công an phường 1 làm việc nhưng những người có mặt tại đó không đồng ý. Thiếu tá Nguyễn Minh T đi vào nơi N đang bị trói để cởi trói cho N thì bị bị cáo H ngăn cản và xô đẩy không cho tiếp cận vị trí N bị trói. Trong lúc xô đẩy, bị cáo H đã dùng tay gây ra thương tích vùng mặt của Thiếu tá Nguyễn Minh T gây chảy máu, nên đồng chí T không thể cởi trói cho N được. Một lúc sau, khi lực L Công an thành phố T đến hỗ trợ mới cởi trói được. Riêng S (T) trốn trong quán gần đó thì bị anh D giữ lại, đồng thời có một người thanh niên (chưa rõ họ tên và chỗ ở) dùng cây dao tự chế chém gây thương tích cho S (T) tay phải và chân phải. Anh D dẫn S (T) về đến khu vực trước nhà bị cáo P thì thấy lực L Công an thành phố T đến nên giao S (T) cho Công an thành phố T.

Đối với Thiếu tá Nguyễn Minh T, Võ Bảo N và Huỳnh Trâm Trung S (T) sau khi bị thương tích thì điều trị tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Trà Vinh. Đối với xe ô tô và 02 xe mô tô nêu trên bị hư hỏng nhiều bộ phận.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 20/Tg ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Trung T pháp y thuộc Sở y tế tỉnh Trà Vinh kết luận đối với Võ Bảo N: “Vết sẹo vùng thái dương trái; vết sẹo mặt trước cẳng chân trái; 1/3 giữa ngoài cẳng chân phải có 01 vết sẹo; 1/3 dưới ngoài cẳng chân phải có 01 vết sẹo; gãy 1/3 giữa hai xương cẳng tay phải”. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của N do thương tích gây nên là 21%. Cơ chế hình thành vết thương của Võ Bảo N là: “Do ngoại lực tác động trực tiếp. Vật gây ra thương tích ở vùng đầu, vùng cẳng tay phải là vật tày cứng. Vật gây ra thương tích ở cẳng chân phải và cẳng chân trái là vật cứng có cạnh sắc”.

Tại Công văn số 05/TTPY ngày 18 tháng 4 năm 2019 của Trung T pháp y thuộc Sở y tế tỉnh Trà Vinh trả lời: “Vết thương gãy 1/3 giữa hai xương cẳng tay phải và hai sẹo lớn được tính là tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên với tỷ lệ 7,12%”. Như vậy, tổng tỷ lệ thương tích của Võ Bảo N do bị cáo Liêu Văn P gây ra là 18,12%, làm tròn là 18%.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 21/TCT ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Trung T pháp y Sở y tế tỉnh Trà Vinh kết luận đối với Nguyễn Minh T: “Vùng má phải có vết sẹo kích thước 0,5cm x 0,2cm và 0,2cm x 0,2cm ảnh hưởng thẩm mỹ”. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nguyễn Minh T

do thương tích gây nên là 11%. Cơ chế hình thành vết thương của Nguyễn Minh T là: “Do ngoại lực tác động trực tiếp. Vật gây ra thương tích là vật tày cứng”.

Tại Kết luận định giá tài sản số 19/BKLĐGTS ngày 18 tháng 4 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố T, tỉnh Trà Vinh xác định các phụ tùng bị hư hỏng của xe ô tô biển số 84A-035.93 hiệu Toyota Camry 2.0E màu S đen: “Vết thủng nắp ca bô từ trước ra sau; vết thủng nắp lọc gió phía trước; vết cong biến dạng biển số; vết gãy càng trước dưới biển số; vết thủng dạng tròn cang trên đèn sương mù; vết xước ốp chụp đèn nhan trái; vết thủng móp cốp xe dưới đèn chiếu sáng; vỡ, bể T bộ hệ thống đèn chiếu sáng; vết thủng gương chiếu hậu từ sau ra trước; vết thủng trầy xước viền trên cánh cửa trước bên phải, vết trầy xước mép dưới cửa trước bên phải, vết trầy xước cửa sau; vết thủng viền trên cửa sau bên phải, vết thủng móp, trầy xước hông xe phía sau bên phải, trầy xước nắp đậy bình xăng bên trái. Tổng giá trị thiệt hại bằng 59.665.550 đồng”.

Tại Kết luận định giá tài sản số 20/BKLĐGTS ngày 18 tháng 4 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố T, tỉnh Trà Vinh xác định các phụ tùng bị hư hỏng của xe mô tô hai bánh biển số 84L1 056.69 hiệu Yamaha loại Nouvo màu S bạc nâu: “Bể gương chiếu hậu bên trái; gãy mối nối đèn chiếu sáng trước với thân xe; gãy, vỡ mất một phần nhựa trên đèn chiếu sáng bên phải, bể ốp chụp hệ thống công tơ mét; gãy móc, hờ ốp chụp động cơ bên trái, vỡ chụp đèn sau, gãy rớt biển số kiểm soát; thủng ốp chụp ống giảm thanh (pô xe) từ trước ra sau; trầy xước về chắn bùn bánh xe sau; mài mòn thắng tay bên trái. Tổng giá trị thiệt hại bằng 1.800.000 đồng”.

Tại Kết luận định giá tài sản số 21/BKLĐGTS ngày 18 tháng 4 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố T, tỉnh Trà Vinh xác định các phụ tùng bị hư hỏng của xe mô tô hai bánh biển số 84C1 151.32 hiệu Yamaha loại Jupiter màu S đen cam: “Vết mài mòn ốp đèn chiếu sáng bên trái; bể ốp chụp hệ thống đèn chiếu sáng; bể ốp chụp hệ thống công tơ mét; trầy xước ốp bửng xe bên phải, trầy xước ốp, vỡ ốp hông xe bên trái, cong gác chân giữa bên trái từ trước ra sau; cong cần số từ trước ra sau; trầy xước bên trái cang sau; gãy vỡ ốp bửng bên phải, vỡ ốp chụp đèn phía sau T bộ; vỡ T bộ chắn bùn phía sau, rơi biển số; nổ, thủng lớp bánh xe sau; cong niền bánh xe sau; gãy khuyết cang sau bên phải. Tổng giá trị thiệt hại bằng 3.592.000 đồng”.

Về vật chứng thu giữ: 01 xe ô tô hiệu Toyota Camry 2.0E màu S đen biển kiểm soát 84A-035.93, bị hư hỏng nhiều bộ phận; 01 khúc gỗ dài 86 cm, loại gỗ 05cm x 2,5cm, một đầu có cột dây màu đen; 01 cây gậy bằng kim loại phủ S đen dài 63cm, một đầu có cột dây màu xanh lá cây; 01 sợi dây buộc dài 5,4m; 01 chiếc xe mô tô hai bánh hiệu Yamaha loại Jupiter màu S đen cam, biển kiểm

soát 84C1-151.32, bị hư hỏng nhiều bộ phận; 01 chiếc xe mô tô hai bánh hiệu Yamaha loại Nouvo màu S bạc nâu, biển kiểm soát 84L1-056.69, bị hư hỏng nhiều bộ phận.

Tại bản Cáo trạng số: 13/CT-VKS-P1 ngày 19/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh đã quyết định truy tố bị cáo Huỳnh Minh T về tội “Giết người” theo quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự và tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Danh Thị Cẩm H và Liêu Văn P về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự và tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Danh N T về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2022/HS-ST ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đã căn cứ điểm a khoản 2 Điều 268, Điều 269 và Điều 299 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Tuyên bố:

Bị cáo Huỳnh Minh T phạm tội “Giết người” và tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Bị cáo Danh Thị Cẩm H và bị cáo Liêu Văn P phạm tội “Cố ý gây thương tích” và tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Bị cáo Danh N T phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Căn cứ điểm 1 khoản 1 Điều 123; Điều 15; Điều 57; khoản 1 Điều 157; điểm e khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 55; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Minh T 09 (chín) năm tù về tội “Giết người” và 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội, bị cáo Huỳnh Minh T phải chấp hành là 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/3/2019.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; khoản 1 Điều 157; điểm e khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 55; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Danh Thị Cẩm H 02 (hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 01 (một) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội, bị cáo Danh Thị Cẩm H phải chấp hành là 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Liêu Văn P 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 09 (chín) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội, bị cáo Liêu Văn P phải chấp hành là 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù, trừ đi thời gian tạm giam trước đây từ ngày 08/3/2019 đến ngày 02/8/2019, thời gian còn lại tiếp tục chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm e, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Danh N T 06 (sáu) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, trừ đi thời gian tạm giam trước đây từ ngày 08/3/2019 đến ngày 04/6/2019, thời gian còn lại tiếp tục chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 590; khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Liêu Văn P bồi thường cho bị hại Võ Bảo N số tiền bằng 29.278.000 đồng.

Dành cho ông Danh T, ông Danh N D và bà Kiên Thị Mỹ P vụ kiện dân sự độc lập khác, khởi kiện theo quy định pháp luật khi có yêu cầu.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan án phí, xử lý vật chứng, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 18 tháng 02 năm 2022, bị cáo Huỳnh Minh T làm đơn kháng cáo, nêu lý do: Bị cáo cho rằng bị oan, bị cáo không phạm tội “Giết người” và “Bắt, giữ người trái pháp luật” như nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2022, bị cáo Danh Thị Cẩm H làm đơn kháng cáo, nêu lý do: Bị cáo cho rằng bị oan, bị cáo không phạm tội “Cố ý gây thương tích” và “Bắt, giữ người trái pháp luật” như nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2022, bị cáo Liêu Văn P làm đơn kháng cáo, nêu lý do: Bị cáo cho rằng bị oan, bị cáo không phạm tội “Cố ý gây thương tích” và “Bắt, giữ người trái pháp luật” như nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2022, bị cáo Danh N T làm đơn kháng cáo, nêu lý do: Bị cáo cho rằng bị oan, bị cáo không phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” như nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Danh T, Danh N D, Kiên Thị Mỹ P có đơn kháng cáo, nêu lý do: Các ông, bà đều bị thiệt hại về tài sản, đề nghị được giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại của các ông, bà trong vụ án này.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Huỳnh Minh T, Danh Thị Cẩm H, Liêu Văn P, Danh N T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo kêu oan.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Danh T, Danh N D, Kiên Thị Mỹ P vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc nhóm Nguyễn Tr G bồi thường thiệt hại cho các ông, bà trong vụ án này.

Luật sư Đặng Xuân C bào chữa cho các bị cáo cho rằng: Có sự mâu thuẫn về thời gian cũng như nội dung của các biên bản trong quá trình điều tra, nên có đủ căn cứ xác định các biên bản này được lập nhằm hoàn thiện thủ tục chứ không phản ánh chính xác hoạt động điều tra. Các biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, thu giữ dữ liệu điện tử, biên bản khám nghiệm hiện Tr thực hiện không đúng quy định của pháp luật. Hoạt động lấy lời khai của điều tra viên thực hiện không đúng quy định, không có bản tự khai của các bị cáo, bị cáo H và T là người dân tộc thiểu số nhưng quá trình tố tụng không có người phiên dịch. Xác định tư cách người tham gia tố tụng không chính xác. Quá trình tham gia vụ án, người bào chữa có nhiều văn bản kiến nghị và đề nghị triệu tập thêm những người tham gia tố tụng, đưa vật chứng ra phiên tòa để xem xét, đánh giá công khai nhưng đều không được cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm chấp nhận. Tại phiên tòa sơ thẩm, kiểm sát viên Trần Thị Kim Th tham gia phiên tòa nhưng không có quyết định phân công và không có tên trong quyết định đưa vụ án ra xét xử là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ phiếm diện, sử dụng những lời khai bất lợi cho bị cáo mà không đánh giá sự phù hợp của những lời khai này. Hoạt động giám định thương tích thiếu vô tư khách quan, có dấu hiệu của tội cung cấp tài liệu sai sự thật. Đồng thời, cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm đối với nhóm người Nguyễn Tr G và làm oan người vô tội. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ việc giải quyết vụ án.

Luật sư T Anh T bào chữa cho các bị cáo trình bày: Sự việc diễn ra trong nội dung vụ án còn khác rất xa với thực tế. Xuất phát từ việc Nguyễn Tr G chặn đường đòi tiền bị cáo T nhưng không được, bị cáo T đã báo công an xã Long Đức nhưng không được giải quyết. Sau đó, nhóm của G lại đến dùng chai búa ném vào nhà gia đình của bị cáo rất nhiều lần, nên xuất phát từ T lý sợ hãi đó bị cáo T mới dùng xe rượt đuổi nhằm bắt G về giao cho công an, trong suốt quá trình gây rối đó người nhà các bị cáo đã nhiều lần báo công an địa P nhưng không được giải quyết. Như vậy, xuất phát từ sự gây rối của các đối tượng vi phạm pháp luật, cầu cứu chính quyền không được nên các bị cáo bị o ép về mặt T lý mới có hành vi bắt giữ người nhưng trong Tr hợp này không trái pháp luật. Trong vụ này có biểu hiện vi phạm pháp luật trong hoạt động tư pháp, có dấu

hiệu bỏ lọt tội phạm. Ngoài ra, trong vụ án này thực tế có thiệt hại về mặt vật chất, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại bỏ ngõ vấn đề này là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người bị thiệt hại. Từ những phân tích trên kiến nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm tuyên các bị cáo không phạm tội và tuyên trả tự do cho các bị cáo.

Luật sư Ngô Huỳnh P T bào chữa cho các bị cáo cho rằng: Đối với hành vi “Giết người” của bị cáo T được thực hiện với lỗi cố ý gián tiếp nên hậu quả đến đâu thì xử lý đến đó, hành vi điều khiển xe tông vào nhóm của G không gây ra hậu quả nên không thể truy cứu về tội “Giết người”. Ngoài ra, bị cáo T lái xe đuổi theo trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do nhóm đối tượng G ném chai bia vào nhà của bị cáo nên cáo buộc bị cáo tội “Giết người” là làm oan cho bị cáo. Về vấn đề giám định thương tích của Nguyễn Minh T theo đánh giá của luật sư dựa trên các văn bản hướng dẫn thì tỷ lệ tổn thương chỉ ở mức 5%, kết quả giám định thương tật của Cơ quan giám định lại là 11% vừa ở mức truy tố tội “Cố ý gây thương tích” là hoàn T không đúng quy định của pháp luật. Nhóm đối tượng G có hành vi vi phạm pháp luật nên ai cũng có quyền bắt giữ để giao cơ quan có thẩm quyền xử lý, nên việc các bị cáo T, H, P, T có hành vi bắt giữ Võ Bảo N thì cũng không phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đầy đủ theo qui định của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017), những người tham gia phiên tòa cũng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo luật định.

Về nội dung: Đối với kháng cáo kêu oan của bị cáo T thì thấy: Căn cứ vào lời khai của bị cáo thì bị cáo nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm và mục đích điều khiển xe ô tô lao vào nhóm các bị hại. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo khác, người làm chứng và phù hợp với camera được trích xuất nên cấp sơ thẩm xét xử bị cáo T về tội “Giết người” là có căn cứ.

Đối với hành vi bắt, giữ người trái pháp luật: Các bị cáo đều khai có không chế N rồi đưa lên xe, nhưng không giao cho công an, mà lại chở về nhà và trói vào gốc cây, đánh gây thương tích. Như vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Đối với kháng cáo kêu oan của bị cáo H: Trong hồ sơ vụ án bị cáo khai có cùng thực hiện hành vi bắt giữ N và có đánh trúng mặt anh T, lời khai của bị cáo

phù hợp với lời khai của các bị cáo khác và tình tiết khách quan của vụ án nên có căn cứ truy tố về các tội “Cố ý gây thương tích”, “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Đối với kháng cáo kêu oan bị cáo Liêu Văn P: Bị cáo thừa nhận có dùng gối đánh mạnh vào vai N và thừa nhận dưới sự chỉ đạo của H nên mới trói N lại. Bị cáo bị truy tố với tội danh “Cố ý gây thương tích”, “Bắt, giữ người trái pháp luật” là đúng pháp luật.

Đối với kháng cáo của bị cáo Danh N T: Bị cáo thừa nhận có giúp T không chế và đưa N lên xe, lời khai này phù hợp với lời khai của các bị cáo khác, phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ nên bị cáo bị truy tố về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” là đúng pháp luật.

Đối với những kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tòa án cấp sơ thẩm đã dành quyền khởi kiện trong một vụ án khác khi có yêu cầu nên không có căn cứ cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết.

Từ những căn cứ nêu trên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của những người kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ngoài ra, đối với hành vi ném bia qua lại giữa hai bên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tiếp tục kiến nghị cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Trà Vinh điều tra xem xét hành vi gây rối thành một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Huỳnh Minh T, Danh Thị Cẩm H, Liêu Văn P, Danh N T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Danh T, Danh N D, Kiên Thị Mỹ P có đơn kháng cáo. Xét đơn kháng cáo của các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên được thực hiện trong thời hạn luật định theo quy định tại các Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự nên được xem xét, xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo kêu oan của các bị cáo Huỳnh Minh T, Danh Thị Cẩm H, Liêu Văn P, Danh N T:

[2.1] Đối với hành vi “Giết người” của bị cáo Huỳnh Minh T:

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/01/2019 đối với bị cáo Huỳnh Minh T: Bị cáo T khai nhận “...Tôi leo lên xe ô tô, đề máy, đề ga mạnh, chạy nhanh... về

hướng nhóm thằng G...” và “... tôi tức giận, lên xe đề máy, khởi động và chạy nhanh về nơi tụi thằng G đang đứng nhằm đụng mạnh làm hư xe của tụi nó...”.

Tại các biên bản hỏi cung ngày 19/4/2019, ngày 10/5/2019 và ngày 25/7/2019 đối với bị cáo Huỳnh Minh T thể hiện các nội dung: *“...chạy với vận tốc khoảng 70km/h ... mục đích là để đụng vào xe mô tô của nhóm thằng G...”, “...thằng G mập bị tôi đụng trúng văng lên nắp ca bô của xe ô tô...”, “...chắc chắn 02 (hai) xe mô tô trên là do tôi cố tình điều khiển xe ô tô đụng trúng...”, “...biết việc tôi điều khiển xe ô tô đụng vào 02 (hai) xe mô tô có chở 04 (bốn) người (trong đó có G Mập) là nguồn nguy hiểm cao độ...”, “tôi hoàn T biết việc tôi điều khiển xe ô tô đụng vào xe người khác có thể gây chết người...”, “...trong khi tôi điều khiển xe ô tô về phía các xe mô tô của nhóm G Mập thì tôi không có đạp thắng...”.*

Những lời khai của bị cáo T phù hợp với lời khai của các bị cáo Danh Thị Cẩm H được thể hiện tại biên bản ghi lời khai ngày 20/10/2018 *“...sau đó anh T lên xe ô tô biển kiểm soát 84A-035.93 chở tôi cùng với em trai tôi là Danh N T (thường gọi là T Bò) đuổi theo nhóm của G và đụng xe ô tô vào 02 xe mô tô (không nhớ biển kiểm soát) của nhóm tên G làm cho 02 xe mô tô cùng với 04 người (đi trên xe mô tô) ngã xuống đường”;* Bị cáo Liêu Văn P tại biên bản ghi lời khai ngày 20/8/2018 *“...khi đến nhà của cậu D thì tôi thấy xe ô tô màu đen, nhãn hiệu Honda, loại Camry của dựng T (T Hí) đụng vào đuôi của 02 (hai) xe mô tô”;* Bị cáo Danh N T tại biên bản ghi lời khai ngày 20/12/2018 *“Anh T điều khiển xe ô tô đụng trúng 02 (hai) xe mô tô làm té 04 (bốn) người đồng bọn của thằng G, Tr...”.* Và phù hợp với chứng cứ dữ liệu điện tử là đoạn video ghi hình ảnh, âm thanh được Cơ quan điều tra thu thập. Chứng cứ này đã được chụp lại hình ảnh cảnh xe ô tô đụng hai xe mô tô được Huỳnh Minh T nhận dạng và thống nhất từ trích xuất camera và đã thông qua giám định.

Như vậy, có căn cứ xác định vào ngày 20/12/2018, giữa bị cáo Huỳnh Minh T với nhóm của Nguyễn Tr G xảy ra mâu thuẫn. Nhóm của Nguyễn Tr G đã dùng chai bia ném vào quán cà phê “Heo Vàng” do Danh N D làm chủ, vì tức giận nên bị cáo T điều khiển xe ô tô hiệu Toyota Camry 2.0E màu S đen, biển kiểm soát 84A-035.93 là nguồn nguy hiểm cao độ đụng vào xe mô tô hai bánh hiệu Yamaha loại Jupiter màu S đen cam, biển kiểm soát 84C1-151.32 do N đang điều khiển chở G và xe mô tô hai bánh hiệu Yamaha loại Nouvo màu S bạc nâu, biển kiểm soát 84L1-056.69 do C đang điều khiển chở Huỳnh Trầm Trung S (T) làm 02 xe mô tô nêu trên cùng với N, G, C và T bị ngã trên mặt lộ. Bị cáo cũng biết được rằng việc điều khiển xe ô tô lao thẳng vào xe mô tô sẽ gây ra hậu quả nguy hiểm đến tính mạng của người khác, nhưng bị cáo bất chấp. Từ đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của bị cáo Huỳnh Minh T đã đủ

yếu tố cấu thành tội “Giết người”, tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 123 của Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Huỳnh Minh T theo điểm 1 khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T khai rằng bị cáo dùng xe ô tô đuổi theo Nguyễn Tr G nhằm mục đích bắt G giao cho công an, chứ không có ý định đụng vào G. Khi bị cáo vừa lấy xe thì Nguyễn Tr G ôm kết bia phóng lên xe Võ Bảo N thì tự té lên nắp xe phía trước của bị cáo. Đồng thời, bị cáo khai rằng việc mình khai ở cơ quan điều tra là do bị điều tra viên ép buộc. Xét thấy, lời khai của bị cáo ở phiên tòa phúc thẩm không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án cũng như là lời khai của bị cáo trong suốt quá trình tố tụng ở cơ quan điều tra, ở phiên tòa sơ thẩm và với các căn cứ như đã phân tích ở trên nên trình bày của bị cáo không có cơ sở chứng minh. Bị cáo cho rằng bị điều tra viên ép cung, tuy nhiên trong các biên bản hỏi cung ngày 08/3/2019, ngày 20/8/2020 bị cáo T khẳng định: *“lời khai đều là do tôi tự khai không ai bức cung hay dùng nhục hình ép buộc tôi khai cả, tôi cam đoan lời khai của tôi hoàn toàn đúng sự thật”*. Do đó, lời trình bày kêu oan của bị cáo là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Đối với hành vi bắt, giữ người trái pháp luật của các bị cáo Huỳnh Minh T, Danh Thị Cẩm H, Liêu Văn P và Danh N T:

Tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm các bị cáo thừa nhận bị cáo T kêu bị cáo Danh N T bắt giữ Võ Bảo N, còn bị cáo Danh Thị Cẩm H phụ đưa N vào trong xe ô tô biển kiểm soát 84A-035.93 nêu trên. T ngồi ở vị trí ghế lái, Danh N T, Danh Thị Cẩm H không chế để Võ Bảo N ngồi giữa. T điều khiển xe về đến trước nhà của bị cáo Liêu Văn P và trói Võ Bảo N vào thân cây trên phần đất nhà của bị cáo P (tiếp giáp với nhà của anh Danh N D).

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Huỳnh Minh T, Danh Thị Cẩm H, Liêu Văn P và Danh N T đều cho rằng bắt giữ N để giao cho công an và Luật sư bào chữa cho rằng các bị cáo có bắt giữ người nhưng không trái pháp luật. Tuy nhiên, khi lực L Công an phường 1, thành phố T gồm 05 đồng chí đến hiện Tr yêu cầu cởi trói cho Võ Bảo N nhưng các bị cáo không đồng ý, bị cáo Danh Thị Cẩm H còn gây thương tích cho thiếu tá Nguyễn Minh T khi thiếu tá T đi đến cởi trói cho N. Như vậy, lời trình bày của các bị cáo cho rằng bắt giữ N để giao cho Công an là không có cơ sở để chứng minh.

Mặc khác, tại biên bản hỏi cung ngày 10/5/2019, bị cáo T khai *“... tôi Huỳnh Minh T biết hành vi tôi tham gia bắt, giữ Võ Bảo N vào ngày 20/12/2018 ...là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên do nhóm G Mập, N gây sự nên nóng tính, tôi không làm chủ được bản thân”* (BL 359).

Tại bản ghi lời khai ngày 15/01/2019 bị cáo Danh Thị Cẩm H khai: “Tôi thấy anh T bắt giữ được một người thanh niên đáng mập, có em tôi (Danh N T) phụ giữ... tôi mở cửa xe ô tô và lôi người thanh niên đáng mập ra khỏi xe, đồng thời kêu mọi người trói người thanh niên đáng mập vào gốc cây để giao cho Công an, cháu rể tôi (P) cùng thanh niên khác (tôi không biết chắc là người đi đường) trói người thanh niên đáng mập vào gốc cây trước nhà của P...tôi biết Công an phường 1 đến giải cứu cho người thanh niên bị trói nhưng tôi và cháu rể tôi (P) không đồng ý”.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 01/01/2019 bị cáo Liêu Văn P khai: “Tôi nghe dì Danh Thị Cẩm H kêu mọi người xung quanh lấy dây trói người thanh niên lại. Tôi nghe tiếng dì H kêu vậy nên tôi đi lấy sợi dây...” và “...Anh T là cán bộ Công an phường 1 yêu cầu dì H và tôi cởi trói cho người thanh niên ra rồi dẫn giải về Công an phường 1 để làm rõ vụ việc, nhưng dì H và tôi không đồng ý..mục đích tôi tham gia trói người thanh niên đáng mập vào gốc cây là theo sự chỉ đạo của dì H...”, “Tôi cam kết khẳng định chắc chắn rằng tôi và dì H đã cản trở không cho anh T cán bộ Công an phường 1 cởi trói và dẫn người thanh niên trên rời khỏi hiện Tr...” (BL 535 – 537, 539).

Tại biên bản ghi lời khai ngày 20/8/2018 bị cáo Danh N T khai: “Anh T kêu tôi đưa người thanh niên này lên xe ô tô rồi chở về phía trước nhà anh D...” và tại biên bản hỏi cung ngày 08/3/2019, bị cáo T khai “Anh T kêu tôi đem nó lại đó, trói nó lại để giao Công an xử lý...” (BL 624).

Như vậy, có đủ căn cứ xác định: Do mâu thuẫn xảy ra nên cả hai nhóm người phía bị cáo và bị hại dùng hung khí ném, chọi vào nhau thì Huỳnh Minh T sử dụng xe ô tô lao vào nhóm người bị hại làm té ngã 04 người. Sau đó các bị cáo dưới sự chỉ huy của T đã khống chế bị hại N lên xe, trói bị hại N tại nhà bị cáo P. Khi Công an phường 1 đến giải cứu vẫn kiên quyết chống đối không cho, nên việc các bị cáo bắt giữ N là trái pháp luật. Từ đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của các bị cáo Huỳnh Minh T, Danh Thị Cẩm H, Liêu Văn P và Danh N T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 157 của Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Huỳnh Minh T, Danh Thị Cẩm H, Liêu Văn P và Danh N T theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3] Đối với hành vi cố ý gây thương tích cho bị hại Nguyễn Minh T và Võ Bảo N của bị cáo Danh Thị Cẩm H và Liêu Văn P:

Tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo H không thừa nhận H có hành vi cản trở và đã dùng tay gây thương tích cho đồng chí Nguyễn Minh T với tỷ lệ

11% và bị cáo Liêu Văn P chỉ thừa nhận có dùng khúc cây tràm đánh vào bả vai từ trên xuống của Võ Bảo N, không thừa nhận dùng đoạn gỗ đánh N gây căng tay phải với tỷ lệ thương tích 18%.

[2.3.1] Đối với hành vi của bị cáo Danh Thị Cẩm H:

Tại các bản ghi lời khai ngày 14/02/2019, biên bản hỏi cung ngày 09/3/2019, ngày 08/5/2019 bị cáo H khai: *“Trong lúc cản trở anh T là cán bộ Công an phường 1, khi anh T cởi trói người thanh niên đáng mặt tôi có quơ tay làm trầy mặt của anh T...”* (BL 426), *“Lúc anh T vô cởi trói người thanh niên, do tôi bức xúc quá nên quơ tay làm trầy mặt của anh T...”* (BL 436), *“Mục đích tôi cản trở và dùng tay quơ gây thương tích vùng mặt đồng chí T là cán bộ Công an phường 1... vì tôi bức xúc và không tin tưởng Công an phường 1 khi họ xuống hiện Tr bắt, giữ Võ Bảo N”* (BL 446).

Tại biên bản ghi lời khai ngày 01/01/2019 bị cáo P khai *“...Anh T đi đến chỗ tôi trói người thanh niên để dẫn người thanh niên về trụ sở Công an phường thì dì H cản, đồng thời dùng tay quơ trúng mặt của anh T làm anh T bị chảy máu...”* (BL 537).

Bị cáo Huỳnh Minh T trình bày *“...nghe anh T Công an nói với vợ tôi (Danh Thị Cẩm H) đánh anh chảy máu mặt...”* (BL 318, BL 322)

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị hại Nguyễn Minh T và người làm chứng anh Nguyễn Điều N (Cán bộ Công an phường 1) đều trình bày: Khi thấy N bị trói anh T đi đến trao đổi cởi trói cho N, nhưng bị H ngăn cản và đánh vào mặt anh T một cái, làm mặt anh T chảy máu. Như vậy, lời trình bày của bị cáo H ở Cơ quan điều tra phù hợp với lời trình bày của những bị cáo khác như T, P; phù hợp với lời trình bày của người bị hại, người làm chứng cũng như phù hợp với diễn biến sự việc rằng H có dùng tay đánh vào mặt bị hại Nguyễn Minh T gây chảy máu ở vùng mặt. Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 21/TCT ngày 25 tháng 01 năm 2019 tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nguyễn Minh T do thương tích gây nên là 11%.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H cho rằng khi chở N về đến trước nhà Danh N D thì bị cáo đi vào nhà không có chứng kiến việc thiếu tá Nguyễn Minh T bị thương, nhưng sau đó bị cáo cũng trình bày là có yêu cầu Công an P 1 cho bị cáo được quay video, chụp ảnh lại nhưng không được công an cho phép. Lời trình bày của bị cáo trước sau có mâu thuẫn, không rõ ràng nên không có cơ sở để xem xét.

[2.3.2] Đối với hành vi của bị cáo Liêu Văn P:

Tại biên bản hỏi cung ngày 27/4/2019 bị cáo P khai “*Tôi cầm cây gỗ cứng, dài khoảng gần 01 mét (một mét) đánh mạnh theo hướng từ trên xuống vào người của người thanh niên đáng mập, người thanh niên đáng mập đưa tay lên đỡ cây gỗ do tôi đánh... đang tức giận nên tôi tiếp tục dùng 02 (hai) tay cầm cây gỗ cứng đánh thêm 01 (một) cái nữa từ trên xuống vào người thanh niên đáng mập...*”, “*...thương tích gãy tay ở cánh tay phải của anh N là do một mình bị cáo cầm hung khí (cây gỗ cứng) đánh gây ra chứ không có ai khác*” (BL 548, 552). Biên bản nhận dạng ngày 20/3/2019, bị cáo P khai: “*khúc gỗ trong hình ảnh cho nhận dạng chính là cây gỗ cứng do tôi cầm và đánh mạnh 02 cái liên tiếp trúng tay phải của người thanh niên đáng mập...*”(BL 532)

Tại bản tự khai ngày 19/3/2019, bị cáo Huỳnh Minh T trình bày “*.....khi đưa N đến trước cửa nhà anh D thì P dùng cây gỗ cứng đánh N, N la lớn gãy tay tôi rồi, tôi cản không cho P đánh* (BL 336), (BL 337) và (BL 343).

Tại biên bản ngày 09/4/2019 anh Bùi Anh T trình bày “*...trước cửa nhà anh P, anh P dùng cây đánh người thanh niên gãy tay, người này van xin, chị H kêu P trói người này lại, chị H quơ tay làm chảy máu mặt Công an phường 1, thành phố T...*” (BL 1171).

Tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Liêu Văn P thừa nhận có dùng khúc cây đánh mạnh vào bả vai của Võ Bảo N từ trên xuống chứ không đánh gãy tay của N. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của bị cáo T, ông Danh N D, bị hại Võ Bảo N và các tình tiết khách quan của vụ án có đủ cơ sở xác định Liêu Văn P dùng cây đánh Võ Bảo N theo phản xạ N dùng tay đỡ nên gãy tay. Tại Công văn số 05/TTPY ngày 18 tháng 4 năm 2019 của Trung T pháp y thuộc Sở y tế tỉnh Trà Vinh xác định tỷ lệ thương tích của Võ Bảo N do bị cáo Liêu Văn P gây ra là 18,12%, làm tròn là 18%.

[2.3.3] Từ các phân tích ở mục [2.3.1], [2.3.2], có căn cứ xác định bị cáo Danh Thị Cẩm H đã có hành vi cản trở, dùng tay vung vào mặt thiếu tá Nguyễn Minh T khi bị cáo biết anh T là cán bộ Công an phường 1, thành phố T đến yêu cầu cởi trói cho bị hại N nhằm mục đích không cho anh T đưa N về trụ sở làm rõ vụ việc và tỷ lệ tổn thương cơ thể mà bị cáo gây ra cho anh T theo giám định là 11%. Có căn cứ xác định bị cáo Liêu Văn P đã dùng đoạn gỗ đánh mạnh từ trên xuống vào người bị hại N, theo phản xạ N dùng tay đỡ nên đã gãy tay và tỷ lệ tổn thương cơ thể do hành vi này gây ra cho N theo giám định là 18%.

Từ đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của các bị cáo Danh Thị Cẩm H, Liêu Văn P đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”, tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Danh Thị Cẩm H, Liêu Văn P theo điểm đ khoản 2 Điều

134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, các Luật sư bào chữa cho các bị cáo cho rằng các cơ quan tiến hành tố tụng đã vi phạm nghiêm trọng các thủ tục tố tụng như: vi phạm trong hoạt động giải quyết tin báo tố giác tội phạm; vi phạm thủ tục thu giữ tài liệu chứng cứ; hoạt động lấy lời khai của điều tra viên không đúng theo quy định có dấu hiệu bức cung, dụ cung; xác định tư cách người tham gia tố tụng không đúng quy định mà cụ thể là chị Đặng Thị N Ảnh cũng bị thương tích nhưng không xác định là người bị hại; bỏ lọt hành vi phạm tội của nhóm đối tượng Nguyễn Tr G; việc đánh giá hành vi phạm tội dựa trên lời khai của các bị cáo, nhưng những lời khai này có dấu hiệu của bức cung, dụ cung nên không có căn cứ xem xét; Ngoài ra, các giám định thương tích của Cơ quan giám định có tỷ lệ không hợp lý, giám định viên vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không thể xem kết quả giám định thương tích là nguồn của chứng cứ. Các Luật sư bào chữa đều đề nghị hủy bản án sơ thẩm và tuyên bố các bị cáo không có tội.

Qua kiểm tra T bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định các cơ quan tiến hành tố tụng ở cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, không có dấu hiệu bức cung, dụ cung; các chứng cứ được thu thập một cách khách quan, T diện nên lời trình bày của các Luật sư là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về nội dung kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Danh T, Danh N D, Kiên Thị Mỹ P về việc đề nghị được giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại của các ông, bà trong vụ án này:

Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm có nêu: *“dành cho ông Danh T, ông Danh N D và bà Kiên Thị Mỹ P vụ kiện dân sự độc lập khác, khởi kiện theo quy định pháp luật khi có yêu cầu”*.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T, ông D, bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu bồi thường thiệt hại, nhưng các ông, bà không xác định được ai là người gây nên thiệt hại chỉ biết nhóm người của Nguyễn Tr G. Do đó, tòa án cấp sơ thẩm đã dành quyền cho ông Danh T, ông Danh N D và bà Kiên Thị Mỹ P khởi kiện một vụ án dân sự độc lập theo quy định của pháp luật khi có yêu cầu là có căn cứ đúng pháp luật.

[5] Về hành vi gây rối trật tự công cộng: Tòa án cấp sơ thẩm có nhận định *“Đối với hành vi của Nguyễn Tr G, Nguyễn Thanh T, Võ Bảo N, Huỳnh Trầm Trung S, Thạch S và một thanh niên tên C có dấu hiệu gây rối trật tự công cộng nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Ngày 22/9/2019, Công an*

thành phố T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Đối với những người phía bị cáo T có hành vi dùng gạch đá, chai nước ngọt ném về nhóm người của Nguyễn Tr G có dấu hiệu gây rối trật tự công cộng nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, nhưng nay đã hết thời hiệu xử lý vi phạm hành chính”.

Qua nghiên cứu hồ sơ, lời khai của các bị hại Nguyễn Tr G, Nguyễn Thanh T, Võ Bảo N, Huỳnh Trầm Trung S, Thạch S đều xác định có dùng bia chai còn nước để ném với những người phía bên các bị cáo. Lời khai của bị hại G (bút lục 1073 và nhiều lời khai khác) khai nhận: “Vào ngày 20/12/2018 do có xảy ra mâu thuẫn với Huỳnh Minh T...Tôi ghé một tiệm tạp hóa trên đường Phạm Ngũ Lão thuộc phường 1, thành phố T mua 05 (năm) chai bia Sài Gòn (loại chai lớn) rồi chạy đến nhà của cha vợ T Hí (đối diện Tr Đại học Trà Vinh) để tìm T Hí. Khi tôi đậu xe trước nhà cha vợ T Hí thì dùng 02 (hai) chai bia vẫn còn nguyên nước (chưa khai) ném vào quán nước trước nhà nhưng không trúng ai. Tôi không nhìn thấy T Hí có mặt tại đây nên mới dùng xe gắn máy chạy đến nhà của ông D (đường Võ Văn Kiệt) là anh vợ của T Hí (quán Heo Vàng) để tìm T Hí, tôi thấy bên trong quán có đông người nên khi vừa chạy ngang qua tôi ném 03 (ba) chai bia (còn nguyên nước) vào trước sân quán Heo Vàng rồi tiếp tục chạy đi... Tôi mở cửa vào bên trong quán lấy một két bia Sài Gòn Lager (vẫn chưa khai) mang ra xe của N ngồi chờ, T cũng vào quán lấy bia nhưng không rõ số L bao nhiêu...chạy trên đường Võ Văn Kiệt hướng về vòng xoay cầu Sóc Ruộng... Sau khi dừng xe thì tôi cùng với những người nêu trên dùng chai bia (chưa khai) chọi về phía nhóm người T Hí và đồng thời cũng bị họ dùng gạch đá và chai nước ngọt ném lại... Đến khoảng 19 giờ cùng ngày do vẫn còn tức giận nên tôi lấy khoảng 04 (bốn) chai bia Sài Gòn Lager từ quán Nam Sài Gòn rồi điều khiển xe một mình chạy đến nhà của ông D. Khi ngang qua quán Heo Vàng thì tôi ném khoảng 02 (hai) chai bia (chưa khai) vào trước sân quán, sau đó tôi chạy lên đường Phạm Ngũ Lão ném vào nhà cha vợ của T Hí thêm hai chai bia nữa rồi bỏ đi về nhà”.

Qua lời khai các bị hại, các bị cáo, người làm chứng có đủ cơ sở xác định hành vi của những người thuộc nhóm bị cáo, các bị hại và những người thuộc nhóm bị hại đủ yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng”, đặc biệt bị hại Nguyễn Tr G đã có 05 (năm) lần ném chai bia thủy tinh chưa khai vào những quán nước, quán nhậu và trên đường nhiều người qua lại gây mất an ninh, trật tự tại địa P, gây bất bình và lo lắng trong quần chúng nhân dân. Hành vi của những người này được quy định ở điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự (dùng vũ khí, hung khí hoặc có hành vi phá phách). Do đó, cấp sơ thẩm chỉ xem xét ở mức độ xử lý vi phạm hành chính là chưa nghiêm. Hội đồng xét xử phúc thẩm kiến nghị cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Trà Vinh tiếp tục điều tra xem xét hành

vi gây rối trật tự công cộng thành một vụ án khác, có như thế mới đảm bảo an ninh trật tự tại địa P, công bằng và nghiêm minh.

[6] Về phần hình phạt của các bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ xử phạt bị cáo Huỳnh Minh T 09 (chín) năm tù về tội “Giết người” và 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội, bị cáo Huỳnh Minh T phải chấp hành là 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù; bị cáo Danh Thị Cẩm H 02 (hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 01 (một) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội, bị cáo Danh Thị Cẩm H phải chấp hành là 03 (ba) năm tù; bị cáo Liêu Văn P 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 09 (chín) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội, bị cáo Liêu Văn P phải chấp hành là 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù; bị cáo Danh N T 06 (sáu) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” là có căn cứ đúng pháp luật.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo kháng cáo nhưng cũng không có những chứng cứ gì đặc biệt mới và cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo với mức án như trên là có căn cứ, đúng pháp luật và không oan. Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí Hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên các bị cáo Huỳnh Minh T, Danh Thị Cẩm H, Liêu Văn P, Danh N T phải chịu án phí theo luật định.

[9] Các phần nội dung khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo kêu oan của các bị cáo Huỳnh Minh T, Danh Thị Cẩm H, Liêu Văn P, Danh N T. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Danh T, Danh N D, Kiên Thị Mỹ P về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2022/HS-ST ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 268, Điều 269 và Điều 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên bố:

1. Bị cáo Huỳnh Minh T phạm tội “Giết người” và tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Bị cáo Danh Thị Cẩm H và bị cáo Liêu Văn P phạm tội “Cố ý gây thương tích” và tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Bị cáo Danh N T phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

1.1. Áp dụng điểm 1 khoản 1 Điều 123; Điều 15; Điều 57; khoản 1 Điều 157; điểm e khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 55; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Minh T 09 (chín) năm tù về tội “Giết người” và 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội, bị cáo Huỳnh Minh T phải chấp hành là 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08 tháng 3 năm 2019.

1.2. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; khoản 1 Điều 157; điểm e khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 55; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Danh Thị Cẩm H 02 (hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 01 (một) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội, bị cáo Danh Thị Cẩm H phải chấp hành là 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Liêu Văn P 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 09 (chín) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội, bị cáo Liêu Văn P phải chấp hành là 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù, trừ đi thời gian tạm giam trước đây từ ngày 08/3/2019 đến ngày 02/8/2019, thời gian còn lại tiếp tục chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

1.3. Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm e, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Danh N T 06 (sáu) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, trừ đi thời gian tạm giam trước đây từ ngày 08/3/2019 đến ngày 04/6/2019, thời gian còn lại tiếp tục chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Dành cho ông Danh T, ông Danh N D và bà Kiên Thị Mỹ P vụ kiện dân sự độc lập khác, khởi kiện theo quy định pháp luật khi có yêu cầu.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Huỳnh Minh T, Danh Thị Cẩm H, Liêu Văn P, Danh N T mỗi người chịu 200.000đồng.

4. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Công an tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP; HSVA; NTV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hồ T Tú